

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 25/02/2024

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
1	Trương Việt Anh	Nam	28/01/1988	Nghệ An	Kinh	6.3	9.0	48/QĐ106/2024	TH006767	
2	Trần Đức Anh	Nam	08/7/1991	Nghệ An	Kinh	8.3	9.0	49/QĐ106/2024	TH006768	
3	Trần Thị Ngọc Bích	Nữ	04/5/1979	Hà Tĩnh	Kinh	6.0	6.5	50/QĐ106/2024	TH006769	
4	Nguyễn Thị Linh Chi	Nữ	03/09/1998	Nghệ An	Kinh	5.3	7.0	51/QĐ106/2024	TH006770	
5	Hoàng Mạnh Cường	Nam	24/11/1990	Nghệ An	Kinh	5.3	6.0	52/QĐ106/2024	TH006771	
6	Trần Thị Huệ Đan	Nữ	12/02/1997	Nghệ An	Kinh	5.0	5.5	53/QĐ106/2024	TH006772	
7	Lê Thành Đạt	Nam	08/8/2002	Nghệ An	Kinh	5.7	8.5	54/QĐ106/2024	TH006773	
8	Phùng Khánh Duyên	Nữ	08/5/2000	Quảng Trị	Kinh	5.3	9.0	55/QĐ106/2024	TH006774	
9	Vì Thị Hương Giang	Nữ	04/02/1997	Nghệ An	Thái	5.3	5.5	56/QĐ106/2024	TH006775	
10	Thái Thị Hà	Nữ	17/7/1988	Nghệ An	Kinh	5.7	9.0	57/QĐ106/2024	TH006776	
11	Hồ Thị Thúy Hà	Nữ	30/9/2003	Nghệ An	Kinh	5.3	7.0	58/QĐ106/2024	TH006777	
12	Vì Thị Hằng	Nữ	24/9/2001	Nghệ An	Thái	6.7	7.5	59/QĐ106/2024	TH006778	
13	Nguyễn Hòa	Nam	25/7/1981	Nghệ An	Kinh	6.0	8.0	60/QĐ106/2024	TH006779	
14	Lê Thị Hồng	Nữ	04/5/1992	Hà Tĩnh	Kinh	5.0	7.0	61/QĐ106/2024	TH006780	
15	Lang Thị Thu Huệ	Nữ	18/8/2001	Nghệ An	Thái	5.3	7.5	62/QĐ106/2024	TH006781	
16	Hà Học Hưng	Nam	04/9/1989	Hà Tĩnh	Kinh	6.0	8.0	63/QĐ106/2024	TH006782	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
17	Nguyễn Thành Luân	Nam	26/10/1997	Tuyên Quang	Kinh	6.7	8.5	64/QĐ106/2024	TH006783	
18	Hà Thị Lương	Nữ	04/5/1993	Nghệ An	Thái	6.0	7.5	65/QĐ106/2024	TH006784	
19	Doãn Trà Ly	Nữ	05/7/2000	Nghệ An	Thái	5.0	7.0	66/QĐ106/2024	TH006785	
20	Lê Thị Như	Nữ	29/11/1994	Nghệ An	Kinh	6.0	7.0	67/QĐ106/2024	TH006786	
21	Lữ Thị Bích Phương	Nữ	06/3/1994	Nghệ An	Thái	5.0	6.5	68/QĐ106/2024	TH006787	
22	Lô Minh Phương	Nam	25/02/1986	Nghệ An	Thái	6.3	7.0	69/QĐ106/2024	TH006788	
23	Nguyễn Đoàn Thu Phương	Nữ	15/11/2001	Hà Tĩnh	Kinh	6.3	8.0	70/QĐ106/2024	TH006789	
24	Lê Nữ Xuân Quỳnh	Nữ	17/9/1992	Nghệ An	Kinh	7.7	9.0	71/QĐ106/2024	TH006790	
25	Nguyễn Thị Tài	Nữ	20/10/2000	Hà Tĩnh	Kinh	5.3	7.5	72/QĐ106/2024	TH006791	
26	Nguyễn Thị Kim Thành	Nữ	06/11/2001	Hà Tĩnh	Kinh	5.7	8.0	73/QĐ106/2024	TH006792	
27	Hoàng Thị Thu Trà	Nữ	25/4/2001	Nghệ An	Kinh	5.7	7.0	74/QĐ106/2024	TH006793	
28	Phan Thị Hồng Trang	Nữ	01/02/1986	Nghệ An	Kinh	5.0	6.5	75/QĐ106/2024	TH006794	
29	Lê Đăng Trung	Nam	01/02/2002	Nghệ An	Kinh	6.3	9.0	76/QĐ106/2024	TH006795	
30	Nguyễn Thị Cẩm Vân	Nữ	27/8/2002	Nghệ An	Kinh	5.7	8.0	77/QĐ106/2024	TH006796	
31	Thái Đức Việt	Nam	02/3/2000	Nghệ An	Kinh	8.3	9.0	78/QĐ106/2024	TH006797	
32	Trần Thị Vy	Nữ	10/9/2000	Hà Tĩnh	Kinh	5.0	5.0	79/QĐ106/2024	TH006798	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			

